

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày 30-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Công Du

Bà Trần Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phùng Huy Toàn - Kiểm sát V.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/TLST- HS, ngày 27 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1471/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018, đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 09 tháng 6 năm 1993, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện T, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến L và bà Trần Thị H; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19 tháng 5 năm 2018, có mặt tại phiên tòa.

2- Trịnh Văn T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1989, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T và bà Phạm Thị B; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 07/2007/HSST, ngày 30 tháng 01 năm 2007 bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử phạt 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội: "Cố ý gây thương tích" (tiền án án này đã được xóa án tích); Bị cáo bị tạm

giữ từ ngày 07 tháng 6 năm 2018 đến ngày 08 tháng 6 năm 2018 chuyển tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1975;

Trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1- Chị Bùi Thị H, sinh năm 1980;

Trú tại: Số x T, phường T, quận K, Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

2- Anh Lê Văn V, sinh năm 1975;

Trú tại: Thôn C, xã A, huyện A, Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 05 tháng 5 năm 2018 bị cáo Trịnh Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16K4-3164 chở Nguyễn Thành Đ đi đến đoạn đường xx thuộc địa phận thôn T, xã A, A, Hải Phòng phát hiện chị Nguyễn Thị C điều khiển xe mô tô đi ngược chiều đang đeo sợi dây chuyền trên cổ. Đ bảo T quay xe lại để giật sợi dây chuyền của chị C, T điều khiển xe mô tô quay lại bám sát xe của chị C, đến đoạn đường trục thôn T', xã A thì điều khiển xe đi song song, áp sát xe của chị C, Đ dùng tay phải giật sợi dây chuyền, T điều khiển xe tẩu thoát sau đó chạy về nhà. T đem sợi dây chuyền cướp giật được nhờ bà Bùi Thị T'(mẹ vợ T) cùng đến cửa hàng vàng bạc Đ ở phường T, quận K, Hải Phòng bán sợi dây chuyền vừa cướp giật được cho bà Bùi Thị H được 9.230.000đ (chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng). T chia cho Đ 1.000.000đ (một triệu đồng), số tiền còn lại T ăn tiêu hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-ĐG ngày 08/5/2018 và biên bản thống nhất kết quả định giá tài sản số 08a/BB-HĐĐGSTX ngày 10/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Lão: Xác định giá trị tài sản chị C bị chiếm đoạt với số tiền là 18.770.000đ (mười tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Bản Cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Trịnh Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo

Nguyễn Thành Đ từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo Trịnh Văn T từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, Điều tra V, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão thành phố Hải Phòng, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người làm chứng, đồng thời phù hợp với tang vật vụ án, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, nên đã đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 05 tháng 5 năm 2018, bị cáo Nguyễn Thành Đ, Trịnh Văn T đã thực hiện hành vi giật sợi dây chuyền của chị Nguyễn Thị C giá trị sợi dây chuyền bằng 18.770.000đ (mười tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) nên đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” hành vi này vi phạm Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Việc các bị cáo dùng xe mô tô cướp giật tài sản theo hướng dẫn tại tiểu mục 5.3, mục 5 phần I của Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BCA-BTP, ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ công an, Bộ tư pháp xác định thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm. Nên hành vi cướp giật tài sản của các bị cáo Đ, T phải chịu trách nhiệm hình sự với 01 tình tiết định khung tăng nặng và hành vi này vi phạm điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Trịnh Văn T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tội phạm thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương. Nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xác định đây là một vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, nên cần đánh giá hành vi, vị trí, vai

trò tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với mỗi bị cáo để quyết định phù hợp.

[5] Về hành vi: Khi phát hiện người bị hại chị Nguyễn Thị C đi ngược chiều với mình trên cổ có đeo sợi dây chuyền, bị cáo Đ đã đề xuất với T quay xe lại chiếm đoạt tài sản, giật sợi dây chuyền của chị C, T đồng ý. Nên Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo Nguyễn Thành Đ là người khởi xướng có vai trò cao hơn bị cáo T trong vụ án.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, nên các bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T ra đầu thú trước pháp luật, người bị hại tại phiên tòa đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên bị cáo T được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ khác, bị cáo Đ được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thành Đ không có tiền án, tiền sự, nhưng là người nghiện ma túy; bị cáo Trịnh Văn T tại bản án hình sự số 07/2007/HSST, ngày 30 tháng 01 năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử phạt 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội: "Cố ý gây thương tích", tiền án này đã được xóa án tích. Nên xác định bị cáo Đ, bị cáo T là người có nhân thân xấu.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy xem xét xử phạt các bị cáo Đ, T theo đề nghị của Kiểm sát V tại phiên tòa là đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị C không yêu cầu các bị cáo bồi thường; người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Bùi Thị H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị H số tiền các bị cáo đã bán tài sản cướp giật cho chị là sợi dây chuyền bằng 9.230.000đ (chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), bị cáo T, Đ đồng ý bồi thường khoản tiền này theo phần mình đã được ăn chia (T 8.230.000đ, Đ 1.000.000đ). Xét đây là yêu cầu hợp pháp, chính đáng của chị H, căn cứ Điều 584, Điều 585, 587 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H. Buộc các bị cáo Trịnh Văn T, Nguyễn Thành Đ phải bồi thường cho chị H số tiền 9.230.000đ (chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), theo phần bị cáo T phải bồi thường cho chị H số tiền 8.230.000đ (tám triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), bị cáo Đ phải bồi thường cho chị H số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), tuy nhiên gia đình bị cáo Đ đã giao nộp số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) trong số tiền được chia, số tiền

350.000đ do gia đình bị cáo Đ giao nộp được trả lại cho chị H, bị cáo Đ tiếp tục còn phải trả cho chị H số tiền 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

[13] Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 16K4-3164 do bị cáo mượn của ông Lê Văn V, ông V không biết T dùng chiếc xe này vi phạm pháp luật. Nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại chiếc xe này cho ông Lê Văn V; đối với sợi dây chuyền và mặt dây chuyền là tài sản hợp pháp của người bị hại chị Nguyễn Thị C cần trả lại cho chị C;

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo luật định.

[15] Trong vụ án chị Bùi Thị T'(mẹ vợ bị cáo T) là người đi cùng T bán sợi dây chuyền, chị Bùi Thị H là người mua sợi dây chuyền của T. Tuy nhiên do chị Thom, chị H không biết sợi dây chuyền này do T cướp giật mà có, Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự là đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xét.

[16] Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16K4-3164 anh Lê Văn V nhận chuyển nhượng từ người khác, nhưng không làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên theo quy định của pháp luật, việc này đã vi phạm pháp luật hành chính, nên cần kiến nghị Cơ quan công an huyện An Lão xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thành Đ 05 (năm năm) tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 19 tháng 5 năm 2018).

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trịnh Văn T 04 (bốn năm), 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 07 tháng 6 năm 2018).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585, 587 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Trịnh Văn T phải trả cho chị Bùi Thị H số tiền 8.230.000đ (tám triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Thành Đ phải trả cho chị Bùi Thị H số tiền 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự .

- Trả lại chị Nguyễn Thị C 01 sợi dây chuyền vàng Italy, 01 mặt dây chuyền vàng Italy.

- Trả lại ông Lê Văn V chiếc xe mô tô BKS 16k4-3164, số khung HC08002Y-412034, số máy HC08E-0411765.

- Trả lại chị Bùi Thị H số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) do gia đình bị cáo Nguyễn Thành Đ giao nộp.

(Tang vật đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng có đặc điểm theo biên bản ban giao vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 9 năm 2018 và biên lai thu tiền số 4973 ngày 25 tháng 9 năm 2018).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Trịnh Văn T phải nộp 411.500đ (bốn trăm mười một nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thành Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo, người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Kiến nghị Cơ quan công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xem xét xử lý vi phạm hành chính về việc anh Lê Văn V nhận chuyển nhượng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16K4-3164 từ người khác, nhưng không làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường nếu các bị cáo chưa nộp khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- Phòng PV27, PC81 CA. TP;
- Sở Tư pháp;
- VKS ND huyện An Lão;
- Công an huyện An Lão;
- THA (HS);
- THA (DS);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt